

Bản án số: **779/2023 /HC-PT**

Ngày: 26/7/2023

V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý Thuế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Thị Thuận

2. Ông Phạm Thanh Hùng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Long Tiền Nhật

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trương Thị Hồng Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần trụ sở Chi cục Thuế Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/HC-PT ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc “ khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế ”;

Do Bản án Hành chính sơ thẩm 05/2023/HCST ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận M bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2657/2023/QĐ-PT ngày 19/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9482/2023/QDDPT-HC ngày 18/7/2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Công ty Tư vấn Luật & Kiểm toán HG

Địa chỉ: 32/1 đường T, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Thế M, sinh năm 1958, địa chỉ liên hệ: 32/1 đường T, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/8/2022)

Người bị kiện: Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 8 đường VT, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đào Mộng L, chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Ngô Xuân T, sinh năm 1963, địa chỉ liên hệ: 8 đường VT, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/ 8/ 2022 của Công ty Tư vấn Luật & Kiểm toán HG (Gọi tắt là Công ty HG) và trình bày tại Toà:

Công ty HG đã gửi 4 hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) bằng thư thường, bằng cách dán tem của bưu điện cho Công ty LHV vào ngày 8/10/2020 cộng thêm tối đa 2 ngày làm việc của Bưu điện làm thất lạc thư nên tối đa ngày 10/10/2020 là thời điểm thực hiện hành vi mất hóa đơn. Do Công ty LHV đơn phương muốn chấm dứt ngay Hợp đồng tư vấn dài hạn từ tháng 6/2020 nên hai Bên xảy ra tranh chấp trong khi Công ty HG vẫn xuất hóa đơn thường xuyên, hàng tháng cho đến tháng 9/2020, tổng cộng gồm 4 hóa đơn nói trên mà chưa nhận được tiền thanh toán nhưng Công ty HG đã phải kê khai thuế quý 2 và quý 3/2020 và nộp thuế GTGT đầy đủ. Do Công ty LHV thanh toán nên Công ty HG đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý (Quyết định đình chỉ vụ án của Tòa ngày 28/5/2021). Khi Tòa tiến hành hòa giải thì Công ty HG mới biết Công ty LHV không nhận được 4 hóa đơn này và đã xác định được 4 hóa đơn này bị mất vào ngày 10/10/2020 nên hai Bên lập Biên bản mất hóa đơn vào ngày 27/5/2021 thể hiện rõ thời điểm thực hiện hành vi mất hóa đơn vào ngày 10/10/2020 và Công ty HG đã Báo cáo mất, cháy, hỏng hóa đơn (Mẫu BC21/AC) ngày 28/5/2021.

Tuy nhiên, Chi cục Thuế Quận M đã suy diễn bất lợi, trái pháp luật bằng cách đánh đồng: *“thời điểm thực hiện hành vi mất hóa đơn- ngày 10/10/2020”* là *“ngày phát hiện hành vi vi phạm - ngày 27/5/2021”* trong khi quy định hiệu lực áp dụng quy phạm pháp luật căn cứ vào thời điểm thực hiện hành vi vi phạm chứ không phải thời điểm phát hiện hành vi vi phạm (quy định của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP tại Điều 45. Điều khoản chuyển tiếp), nên trường hợp này phải áp dụng Thông tư số 176/2016/TT-BTC ngày 31/10/2016. Trong khi Công ty HG có hai tình tiết giảm nhẹ theo Thông tư số 176/2016/TT-BTC cũng chỉ phạt cảnh cáo.

Hơn nữa, Biên bản vi phạm hành chính quá thời hạn 2 ngày theo quy định của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, theo đó tại điểm a khoản 2 của Điều 12: *“2. Thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính: a) Biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính”*. Trong khi, Chi cục Thuế Quận M phát hiện vi phạm hành chính *“theo Căn cứ Báo cáo mất, cháy, hỏng hóa đơn (Mẫu BC21/AC) ngày 28/5/2021”* ghi

trong Giấy mời số 7722/GM-CTQ1 ngày 25/4/2022 của Chi cục Thuế Quận M nhưng đến ngày 13/5/2022 Chi cục Thuế mới lập Biên bản vi phạm hành chính là quá hạn 18 ngày so với quy định chỉ có 2 ngày làm việc.

Nhận thấy Quyết định số 15084/QĐ-CCT xử phạt này trái quy định pháp luật nên Công ty HG làm Đơn khiếu nại số 25-5/2022 ngày 25/05/2022 nhưng Chi cục Thuế Quận M vẫn ra Quyết định số: 22080/QĐ-CCT ngày 15/07/2022 không công nhận nội dung Đơn khiếu nại số 25-5/2022 ngày 25/05/2022.

Nay Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy:

1. Quyết định số 15084/QĐ-CCT ngày 19/5/2022 của Phó Chi cục trưởng ký thay Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M về việc xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn (mất hóa đơn).

2. Quyết định số 22080/QĐ-CCT ngày 15/07/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M về việc giải quyết khiếu nại của Công ty Tư vấn Luật & Kiểm toán HG (lần đầu) liên quan đến Quyết định số 15084/QĐ-CCT ngày 19/5/2022 của Phó Chi cục trưởng ký thay Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M về việc xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn (mất hóa đơn).

Dựa trên cơ sở pháp lý như sau:

- Áp dụng Thông tư số 176/2016/TT-BTC ngày 31/10/2016 (Nghị định số 109/2013/NĐ-CP và Nghị định số 49/2016/NĐ-CP) vì hành vi vi phạm thực hiện (ngày 10/10/2020) trước ngày Nghị định số 125/2020/NĐ-CP có hiệu lực nhưng hành vi vi phạm này kết thúc (ngày 27/5/2021) kể từ khi Nghị định số 125/2020/NĐ-CP có hiệu lực thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm (ngày 10/10/2020).

- Về thời điểm thực hiện hành vi mất hóa đơn là thời điểm gửi thư (ngày 8/10/2020), nếu cộng thêm 2 ngày làm việc của Bưu điện là ngày 10/10/2020:

Lập Biên bản vi phạm hành chính quá thời hạn 2 ngày theo quy định của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP: Trong khi, Chi cục Thuế Quận M phát hiện vi phạm hành chính “*theo Căn cứ Báo cáo mất, cháy, hỏng hóa đơn (Mẫu BC21/AC) ngày 28/5/2021*” ghi trong Giấy mời số 7722/GM-CTQ1 ngày 25/4/2022 của Chi cục Thuế Quận M nhưng đến ngày 13/5/2022 Chi cục Thuế mới lập Biên bản vi phạm hành chính là quá hạn 18 ngày so với quy định chỉ có 2 ngày làm việc.

- Ngoài ra, có hai tình tiết giảm nhẹ theo Thông tư số 176/2016/TT-BTC chỉ phạt cảnh cáo:

+ Công ty HG đã tự nguyện khai báo kịp thời, thành thật và tích cực tham gia giúp cơ quan chức năng trong việc phát hiện và xử lý vi phạm.

+ Công ty HG bị ép buộc hoặc lệ thuộc vào người khác về vật chất: vì Công ty LHV chưa thanh toán dịch vụ 4 tháng liên tiếp trong khi Công ty HG đã xuất hóa đơn, kê khai thuế và đã nộp thuế GTGT cho Nhà nước rồi mà không chịu đến nhận trực tiếp hóa đơn gốc nhưng lại ép buộc Công ty HG phải giao hóa đơn gốc trước khi thanh toán trong đang trong cao điểm dịch bệnh Covid-19, quy định phải hạn chế tiếp xúc trực tiếp nên chúng tôi gửi thư.

+ Sự kiện bất khả kháng, không lường trước được: việc gửi thông thường có 4 hóa đơn bằng tem Bưu điện là cơ quan dịch vụ Nhà nước thực hiện giao thư trong phạm vi nội thành thì làm sao lại có thể thất lạc được nên Công ty HG không biết Công ty LHV không nhận được. Mặt khác, sử dụng tem Bưu điện Nhà nước thì Bưu điện không phải là Bên thuê (bên thứ 3), vì giữa Công ty HG và Bưu điện không có hợp đồng thuê vận chuyển nên khi Công ty HG liên hệ Bưu điện thì họ nói hai bên không có hợp đồng vận chuyển nên họ không cam kết và chịu trách nhiệm gì hết chứ không phải thông qua bên “thứ ba do bên bán thuê” theo khoản 4. Bổ sung điểm g vào Khoản 3 Điều 11 của Thông tư số 176/2016/TT-BTC ngày 31/10/2016” là sự kiện bất khả kháng, không thể lường trước được. Căn cứ khoản 14 Điều 2, khoản 4 Điều 11 Luật Xử lý vi phạm hành chính: “Điều 2. Giải thích từ ngữ: 14. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.”

Người bị kiện - Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M (có người đại diện theo uỷ quyền) trình bày:

Căn cứ theo Báo cáo mất hóa đơn của Công ty HG gửi tới Chi cục Thuế Quận M mẫu BC21/AC báo cáo mất, cháy hỏng hóa đơn ngày 28/05/2021. Ngày 13/5/2022, ông Phạm Thế V (đại diện pháp luật công ty) uỷ quyền cho ông Trần Ngọc T lên làm việc theo thư mời. Ông Trần Ngọc T và công chức Nguyễn Trọng T xác nhận rằng Công ty HG gửi tới Chi cục Thuế Quận M mẫu BC21/AC báo cáo mất, cháy hỏng hóa đơn ngày 28/05/2021. Trong cùng ngày 13/5/2022, Chi cục Thuế Quận M đã lập Biên bản làm việc và Biên bản vi phạm hành chính về hành vi Công ty làm mất 04 số hóa đơn GTGT bán ra mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu HG/16P, các số hóa đơn là 312, 319, 320, 326 (liên 2) (hóa đơn đã viết và đã báo cáo sử dụng kỳ trước)

Ngày 17/5/2022, Công ty gửi Đơn khiếu nại số 17-5/2022 về việc Chi cục Thuế Quận M ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật. Công ty viện dẫn quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Theo cách hiểu của doanh nghiệp

thì kể từ ngày phát hiện vi phạm hành chính (Ngày 25/04/2022 – ngày Chi cục Thuế Quận M gửi thư mời lần 1), Chi cục Thuế Quận M phải lập biên bản vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Căn cứ pháp lý để Chi cục Thuế Quận M ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Ngày phát hiện hành vi vi phạm là ngày người có thẩm quyền đang thi hành công vụ lập biên bản ghi nhận hành vi vi phạm hành chính của đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. (Quy định tại Khoản 9 Điều 2 Nghị định 125/2020 NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ)

Sự việc làm mất hóa đơn của Công ty HG không thuộc trường hợp bất khả kháng (Quy định tại Điều 2. Giải thích từ ngữ, Khoản 14 Luật xử phạt vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012)

Do đó việc xử phạt vi phạm hành chính của Chi cục Thuế Quận M đối với hành vi làm mất hóa đơn của Công ty HG là đúng quy định pháp luật

Bản án hành chính sơ thẩm 05/2023/HCST ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận M, đã tuyên xử: Không chấp nhận khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 15084/QĐ-CCT ngày 19/5/2022 xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn Và Quyết định số 22080/QĐ-CCT ngày 15/07/2022 giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M;

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/4/2023, Công ty HG kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng. Về nội dung: Thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt, quyết định giải quyết khiếu nại là đúng, cơ sở ban hành quyết định xử phạt, quyết định giải quyết khiếu nại là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định số 15084/QĐ-CCT ngày 19/5/2022 xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn; Quyết định số 22080/QĐ-CCT ngày 15/07/2022 giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M. Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn số 15084/QĐ-CCT ngày 19/5/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M.

1.1. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty HG về hành vi mất 04 số hóa đơn GTGT bán ra mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu HG/16P, các số hóa đơn là 312, 319, 320, 326 (liên 2). Hóa đơn đã lập (liên giao khách hàng) trong quá trình sử dụng, người bán đã kê khai, nộp thuế, có hồ sơ tài liệu, chứng từ chứng minh việc mua bán hàng hóa, dịch vụ, căn cứ khoản 4 Điều 1 Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 26 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về thuế, hóa đơn để xử phạt với mức phạt là 6.000.000 đồng.

1.2. Thẩm quyền ban hành quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 44, Điều 54 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP, Chi cục trưởng Chi cục Thuế có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn.

Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M ủy quyền cho Phó Chi cục trưởng xử phạt là đúng.

1.3. Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định – Biên bản vi phạm hành chính:

Ngày 25/4/2022 Chi cục thuế có giấy mời có nội dung “*theo Căn cứ Báo cáo mất, cháy, hỏng hóa đơn (Mẫu BC21/AC) ngày 28/5/2021*”; ngày 13/5/2022 lập biên bản vi phạm hành chính. Công ty HG cho rằng trễ hạn 18 ngày so với quy định lập biên bản trong thời hạn 02 ngày làm việc theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP; do Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ban hành sau Nghị định 125/2020/NĐ-CP nên căn cứ khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Nghị định số 118/2021/NĐ-CP được áp dụng. Ngoài ra, thời điểm mất hóa đơn là ngày 10/10/2020, thuộc thời điểm có hiệu lực của Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 được hướng dẫn tại Thông tư 176/2016/TT-BTC ngày 31/10/2016. Phía Chi cục trưởng cho rằng căn cứ khoản 9 Điều 2 Nghị định 125/2020/NĐ-CP: “*Ngày phát hiện hành vi vi phạm là ngày người có thẩm quyền đang thi hành công vụ lập biên bản ghi nhận hành vi vi phạm hành chính của đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*” nên không vi phạm thời hạn lập biên bản và áp dụng Nghị định 125/2020/NĐ-CP để xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

Xét khoản 29 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, bổ sung thêm khoản 8 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm

hành chính năm 2012 như sau: “8. *Biên bản vi phạm hành chính phải được lập đúng nội dung, hình thức, thủ tục theo quy định của Luật này và là căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 63 của Luật này và trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.*”. Như vậy, trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác với Luật Xử lý vi phạm hành chính trong việc lập biên bản vi phạm hành chính thì áp dụng theo Luật quản lý thuế;

Điều 146 Luật quản lý thuế năm 2019: “*Việc xử phạt vi phạm hành chính về phí, lệ phí, hóa đơn trong lĩnh vực quản lý thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ*”. Như vậy, luật áp dụng để xử phạt trong lĩnh vực quản lý thuế là Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về thuế, hóa đơn, chỉ những nội dung Nghị định 125/2020/NĐ-CP không quy định mới áp dụng Nghị định số 118/2021/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính. Ở đây không thuộc trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề, nên không áp dụng khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 như người khởi kiện đề nghị áp dụng;

Khoản 9 Điều 2 Nghị định 125/2020/NĐ-CP: “*Ngày phát hiện hành vi vi phạm là ngày người có thẩm quyền đang thi hành công vụ lập biên bản ghi nhận hành vi vi phạm hành chính của đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*”. Như vậy, căn cứ Luật quản lý thuế, Nghị định 125/2020/NĐ-CP thì ngày phát hiện vi phạm đồng thời là ngày lập biên bản ghi nhận hành vi vi phạm hành chính là ngày 13/5/2022 chứ không phải ngày 25/4/2022 như người khởi kiện xác định; và như vậy, thời hạn lập biên bản không vi phạm khoản 2 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

Về luật áp dụng: Công ty HG cho rằng ngày 08/ 10/ 2020 đã gửi hóa đơn cho Công ty LHV, sau đó khai báo thuế, nhưng đến năm 2021 khởi kiện Công ty LHV mới biết mất hóa đơn do Công ty LHV không nhận được, hai bên đã lập biên bản mất hóa đơn ngày 28/5/2021, theo đó ghi nhận ngày 27/5/2021 phát hiện mất hóa đơn;

Hành vi mất hóa đơn là hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc. Căn cứ đoạn 2 điểm d khoản 8 Nghị định 125/2020/NĐ-CP: “*Đối với hành vi mất, cháy, hỏng hóa đơn nếu không xác định được ngày mất, cháy, hỏng hóa đơn thì thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày phát hiện hóa đơn bị mất, cháy, hỏng.*”. Như vậy, trường hợp này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày phát hiện hóa đơn bị mất là ngày 27/5/2021, đây là thời điểm đang có hiệu lực thi hành của Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 (có hiệu lực từ ngày

05/12/2020) nên nghị định này được áp dụng, đồng thời có thể áp dụng quy định tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022), nếu Nghị định số 102/2021/NĐ-CP không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

Như vậy, việc người khởi kiện cho rằng phải áp dụng Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 được hướng dẫn tại Thông tư 176/2016/TT-BTC ngày 31/10/2016 là không có cơ sở.

1.4. Về thẩm quyền lập biên bản, trình tự, thủ tục lập hồ sơ, thời hiệu xử phạt, thời hạn ban hành quyết định xử phạt, ... được thực hiện đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020, Luật quản lý thuế năm 2019, Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 và người khởi kiện không có ý kiến khác.

1.5. Về nội dung quyết định:

Công ty HG cho rằng theo Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 được hướng dẫn tại Thông tư 176/2016/TT-BTC ngày 31/10/2016: “Trường hợp mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập (liên giao cho khách hàng), người bán và người mua lập biên bản ghi nhận sự việc, người bán đã kê khai, nộp thuế, có hợp đồng, chứng từ chứng minh việc mua bán hàng hóa và có một tình tiết giảm nhẹ thì xử phạt ở mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có từ hai tình tiết giảm nhẹ thì xử phạt cảnh cáo”; Công ty cho rằng có hai tình tiết giảm nhẹ là đã tự nguyện khai báo, bị lệ thuộc người khác là Công ty LHV khi công ty này buộc Công ty HG phải gửi hóa đơn gốc bằng bưu điện trước khi thanh toán, chủ thẻ làm mất hóa đơn không phải là Công ty HG mà là Công ty LHV và Bưu điện; ngoài ra, sự kiện bất khả kháng là do bưu điện làm mất hóa đơn. Người bị kiện cho rằng thời điểm vi phạm là ngày 13/5/2022 nên áp dụng Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 sửa đổi, bổ sung Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ là đúng và sự việc làm mất hóa đơn của Công ty HG không thuộc trường hợp bất khả kháng.

Xét như đã nhận định tại mục [1.3.] các quy định của Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 được hướng dẫn tại Thông tư 176/2016/TT-BTC ngày 31/10/2016 không được áp dụng. Quy định về các tình tiết giảm nhẹ tại Điều 6 Nghị định 125/2020/NĐ-CP: “tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính” là căn cứ Điều 9 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Về tình các tình tiết giảm nhẹ và sự kiện bất khả kháng mà Công ty HG yêu cầu được áp dụng gồm: tự nguyện khai báo kịp thời, thành thật và tích cực tham gia giúp cơ quan chức năng trong việc phát hiện và xử lý vi phạm; bị ép buộc hoặc lệ thuộc vào người khác là Công ty LHV về vật chất; sự kiện bất khả kháng là do bưu điện làm mất hóa đơn; chủ thể làm mất hóa đơn không phải Công ty HG.

Xét việc khai báo kịp thời, giải trình, nộp văn bản, tài liệu là nghĩa vụ của người có hành vi làm mất hóa đơn, nếu không khai báo hoặc khai báo không kịp thời thì sẽ bị xử phạt theo Điều 25 Nghị định 125/2020/NĐ-CP; việc cho rằng bị ép buộc hoặc lệ thuộc vào người khác là Công ty LHV là không có căn cứ vì giữa hai bên ràng buộc bằng quan hệ dân sự và thực tế đã khởi kiện dân sự để giải quyết tranh chấp. Vì vậy, các tình tiết giảm nhẹ mà Công ty HG đưa ra không có cơ sở, ngoài ra Công ty HG cũng không có tình tiết giảm nhẹ nào theo quy định của pháp luật.

Về sự kiện bất khả kháng là do bưu điện làm mất hóa đơn thì đây được xem không phải là sự kiện bất khả kháng. Như Công ty HG trình bày, phía Bưu điện không thừa nhận trách nhiệm làm mất hóa đơn, đồng thời, việc gửi hóa đơn bản chính bằng thư thường qua đường bưu điện mà không sử dụng dịch vụ vận chuyển hóa đơn của bưu điện là thể hiện sự kiện xảy ra nằm trong ý chí chủ quan của Công ty và có thể lường trước. Công ty HG không đưa ra được chứng cứ việc đã giao hóa đơn mà công ty phát hành cho người nhận hóa đơn là Công ty LHV, hoặc đã giao cho người thứ ba là bưu điện nên không có cơ sở xác định người làm mất hóa đơn là Công ty LHV hoặc bưu điện.

Hành vi của Công ty HG (người cung cấp dịch vụ) là làm mất hóa đơn đã lập (liên giao cho khách hàng) trong quá trình sử dụng, Công ty HG đã kê khai, nộp thuế, có hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh việc mua bán hàng hóa, dịch vụ, là hành vi vi phạm hành chính được quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định 125/2020/NĐ-CP với khung phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, nên Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt 6.000.000 đồng là đúng pháp luật.

[2]. Xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 22080/QĐ-CCT ngày 15/07/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M là quyết định hành chính giải quyết khiếu nại lần đầu.

Người khởi kiện cho rằng do Quyết định xử phạt hành chính sai nên Quyết định giải quyết khiếu nại cũng sai, không có ý kiến về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại. Chi cục trưởng không đồng ý với ý kiến của người khởi kiện.

Xét căn cứ Chương III Luật khiếu nại năm 2011, Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung, do Quyết định xử phạt hành chính là đúng pháp luật nên việc Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của người khởi kiện là đúng pháp luật.

[3]. Án sơ thẩm xử bác khởi kiện yêu cầu huỷ quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoá đơn và quyết định giải quyết khiếu nại, như phân tích tại mục [1], [2], là đúng. Ý án sơ thẩm.

[4]. Án phí hành chính sơ, phúc thẩm:

Người bị bác khởi kiện phải nộp án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng và Người kháng cáo phải nộp án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 3 Điều 44, Điều 54, Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 29 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Điều 146 Luật quản lý thuế năm 2019; khoản 9 Điều 2, khoản 1 Điều 8, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021; Chương III Luật khiếu nại năm 2011; Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Tư vấn Luật & Kiểm toán HG; giữ nguyên bản án sơ thẩm

1. Không chấp nhận khởi kiện của Công ty Tư vấn Luật & Kiểm toán HG yêu cầu:

1.1. Hủy Quyết định số 15084/QĐ-CCT ngày 19/5/2022 xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M;

1.2. Hủy Quyết định số 22080/QĐ-CCT ngày 15/07/2022 về việc giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M.

2. Án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Công ty Tư vấn Luật & Kiểm toán HG phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm; Trừ hết vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004759 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M. Và nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án

phí hành chính phúc thẩm; Trừ hết vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2022/0003241 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

Án xử trực tuyến công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận M;
- TAND Quận M ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu